

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-5-2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Ngọc T; sinh ngày 07-6-1992; cư trú tại: đường N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc A; sinh ngày 21-11-1987; cư trú tại: Ô-xơ-rây-li-a.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông Đặng Ngọc T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Ngọc A tự nguyện kết hôn; được Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21-6-2018. Sau khi kết hôn thì bà A trở về Ô-xơ-rây-li-a nên

vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi. Một năm sau thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do Ô-xơ-rây-li-a từ chối cấp Visa cho ông; mặt khác, vợ chồng sống xa nhau nên lâu dần xảy ra mâu thuẫn, không thể tìm được tiếng nói chung và do khoảng cách địa lý nên không có điều kiện để giải quyết các mâu thuẫn giữa hai bên. Nay ông nhận thấy bản thân không còn tình cảm vợ chồng với bà A, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Lê Thị Ngọc A không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc A, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bà A gửi cho Tòa án văn bản ghi ngày 11-3-2021, có nội dung thống nhất như ông Đặng Ngọc T đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; đồng thời đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải và xét xử vắng mặt đối với bà.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông Đặng Ngọc T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường N, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Lê Thị Ngọc A là công dân Việt Nam; hiện cư trú tại địa chỉ Ô-xơ-rây-li-a, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Lê Thị Ngọc A, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, bà A đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, bà A xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với ông Đặng Ngọc T; đồng thời

đề nghị Tòa án sớm mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho bà và ông T, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà A, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn bà Lê Thị Ngọc A của ông Đặng Ngọc T thì thấy, sau khi kết hôn thì vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, ông T và bà A đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn bà A của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Ngọc T và bà Lê Thị Ngọc A không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Đặng Ngọc T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 464, Điều 469, điểm c khoản 1 Điều 474, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Ngọc T đối với bà Lê Thị Ngọc A.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đặng Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc A.

2. Về án phí: Ông Đặng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002817 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị Ngọc A không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Hà Nam**